TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN THẲNG VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG NĂM 2021
(ĐỐI TƯỢNG HỌC SINH ĐẠT GIẢI TRONG CÁC KÌ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA, KHOA HỌC KĨ THUẬT QUỐC GIA, KHOA HỌC KĨ THUẬT QUỐC TẾ)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số CMND	Sở GD&ĐT	Năm tốt nghiệp	Năm đoạt giải	Môn/lĩnh vực đoạt giải	Loại giải/ Huy chương	Kỳ thi	Tham dự kì thi chọn đội tuyển dự thi Olympic QT môn	Chứng chỉ tiếng Anh	Bài báo Quốc tế	Thứ tự nguyện vọng	Mã ngành đăng kí	Tên ngành đăng kí	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Anh	23/12/2003	Nam	001203012073	Hà Nội	2021	2021	Toán học	Giải nhì	Chọn HSGQG	Toán học			1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
2	Nguyễn Đức Anh	23/12/2003	Nam	001203012073	Hà Nội	2021	2021	Toán học	Giải nhì	Chọn HSGQG	Toán học			2	7720101A	Y khoa (A)	Trúng tuyển	
3	Ngô Hương Giang	30/09/2003	Nữ	001303015499	Hà Nội	2021	2020	Sinh học	Giải ba	Chọn HSGQG		IELTS 6.5		1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
4	Nguyễn Hữu Khánh	27/01/2003	Nam	001203040243	Hà Nội	2021	2021	Hoá học	Giải ba	Chọn HSGQG				1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
5	Nguyễn Hữu Khánh	27/01/2003	Nam	001203040243	Hà Nội	2021	2021	Hoá học	Giải ba	Chọn HSGQG				2	7720101A	Y khoa (A)	Trúng tuyển	
6	Nguyễn Hữu Khánh	27/01/2003	Nam	001203040243	Hà Nội	2021	2021	Hoá học	Giải ba	Chọn HSGQG				3	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Trúng tuyển	
7	Lã Quế Lâm	17/07/2003	Nữ	001303002772	Hà Nội	2021	2021	Sinh học	Giải nhì	Chọn HSGQG				1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
8	Phạm Đoàn Minh Anh	25/04/2003	Nữ	079303001695	Hà Nội	2021	2020	Sinh học	Giải nhì	Chọn HSGQG				1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
9	Nguyễn Hữu Dũng	28/08/2003	Nam	001203013722	Hà Nội	2021	2021	Sinh học	Giải ba	Chọn HSGQG				1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
10	Vũ Như Quỳnh	29/12/2003	Nữ	030303007539	Hà Nội	2021	2021	Sinh học	Giải nhì	Chọn HSGQG				1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
11	Nguyễn Đoan Trang	18/12/2003	Nữ	001303019777	Hà Nội	2021	2021	Sinh học	Giải nhì	Chọn HSGQG	Sinh học			1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
12	Nguyễn Ngọc Khánh Ly	03/07/2003	Nữ	001303038643	Hà Nội	2021	2020	Sinh học	Giải ba	Chọn HSGQG				1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
13	Nguyễn Đức Mạnh	29/03/2003	Nam	017203000002	Hà Nội	2021	2021	Sinh học	Giải nhì	Chọn HSGQG				1	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Trúng tuyển	
14	Nguyễn Đức Minh Hoàng	28/06/2003	Nam	001203025093	Hà Nội	2021	2021	Sinh học	HCV	KHKTQT				1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số CMND	Sở GD&ĐT	Năm tốt nghiệp	Năm đoạt giải	Môn/lĩnh vực đoạt giải	Loại giải/ Huy chương	Kỳ thi	Tham dự kì thi chọn đội tuyển dự thi Olympic QT môn	Chứng chỉ tiếng Anh	Bài báo Quốc tế	Thứ tự nguyện vọng	Mã ngành đăng kí	Tên ngành đăng kí	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
15	Trịnh Khánh Linh	12/09/2003	Nữ	001303021950	Hà Nội	2021	2019	Y học chuyển dịch	Giải nhất	KHKTQG		IELTS 7.0		1	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Trúng tuyển	
16	Trần Thảo Linh	11/10/2003	Nữ	001303006340	Hà Nội	2021	2020	Y sinh và khoa học sức khoẻ	Giải nhất	KHKTQG		IELTS 8.0		1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
17	Nguyễn Hà My	07/10/2003	Nữ	001303019621	Hà Nội	2021	2019	Hoá học	Giải nhì	KHKTQG		IELTS 6.5		1	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Trúng tuyển	
18	Trần Đức Trọng	13/09/2003	Nam	034203000152	Hà Nội	2021	2019	Hoá sinh	HCV	KHKTQT		IELTS 6.0		1	7720101B	Y khoa (B)	Không trúng tuyển	Cuộc thi không do Bộ GD&ĐT thành lập đoàn và cử đi thi
19	Trần Đức Trọng	13/09/2003	Nam	034203000152	Hà Nội	2021	2019	Hoá sinh	HCV	KHKTQT		IELTS 6.0		2	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Không trúng tuyển	Cuộc thi không do Bộ GD&ĐT thành lập đoàn và cử đi thi
20	Phạm Huy Đức Vũ	19/02/2003	Nam	001203011835	Hà Nội	2021	2021	Hoá sinh	HCV	KHKTQT		IELTS 7.0		1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
21	Phạm Huy Tuấn Vinh	05/09/2003	Nam	001203023476	Hà Nội	2021	2021	Hoá sinh	HCV	KHKTQT		IELTS 7.0		1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
22	Nguyễn Ngọc Bảo Phương	29/09/2003	Nữ	001303027137	Hà Nội	2021	2019	Y sinh và khoa học sức khoẻ	Giải nhì	KHKTQG		IELTS 7.0		1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
23	Nguyễn Đức Thịnh	29/12/2003	Nam	001203014822	Hà Nội	2021	2019	Hoá sinh	HCĐ	KHKTQT		IELTS 7.0		1	7720101B	Y khoa (B)	Không trúng tuyển	Cuộc thi không do Bộ GD&ĐT thành lập đoàn và cử đi thi
24	Nguyễn Đức Thịnh	29/12/2003	Nam	001203014822	Hà Nội	2021	2019	Hoá sinh	HCĐ	KHKTQT		IELTS 7.0		2	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Không trúng tuyển	Cuộc thi không do Bộ GD&ĐT thành lập đoàn và cử đi thi
25	Đặng Huy Hoàng	28/03/2003	Nam	001203028607	Hà Nội	2021	2019	Khoa học vật liệu	HCV	KHKTQT				1	7720101B	Y khoa (B)	Không trúng tuyển	Cuộc thi không do Bộ GD&ĐT thành lập đoàn và cử đi thi
26	Nguyễn Đặng Nhật Minh	12/01/2003	Nam	001203000165	Hà Nội	2021	2019	Hoá sinh	HCĐ	KHKTQT		IELTS 6.5		1	7720201D	Dược học (D)	Không trúng tuyển	Cuộc thi không do Bộ GD&ĐT thành lập đoàn và cử đi thi

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số CMND	Sở GD&ĐT	Năm tốt nghiệp	Năm đoạt giải	Môn/lĩnh vực đoạt giải	Loại giải/ Huy chương	Kỳ thi	Tham dự kì thi chọn đội tuyển dự thi Olympic QT môn	Chứng chỉ tiếng Anh	Bài báo Quốc tế	Thứ tự nguyện vọng	Mã ngành đăng kí	Tên ngành đăng kí	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
27	Lê Thanh Bình	26/08/2003	Nữ	001303027612	Hà Nội	2021	2020	Khoa học vật liệu	HCB	KHKTQT		IELTS 6.5		1	7720101A	Y khoa (A)	Không trúng tuyển	Cuộc thi không do Bộ GD&ĐT thành lập đoàn và cử đi thi
28	Lê Thanh Bình	26/08/2003	Nữ	001303027612	Hà Nội	2021	2020	Khoa học vật liệu	HCB	KHKTQT		IELTS 6.5		2	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Không trúng tuyển	Cuộc thi không do Bộ GD&ĐT thành lập đoàn và cử đi thi
29	Lê Ngọc Minh Thư	02/06/2003	Nữ	001303003332	Hà Nội	2021	2021	Y sinh và khoa học sức khoẻ	Giải nhất	KHKTQG		IELTS 7.0		1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
30	Nguyễn Thị Minh Phương	31/01/2003	Nữ	031303006203	Hải Phòng	2021	2021	Hoá học	Giải ba	Chọn HSGQG		IELTS 6.5		1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
31	Hà Quang Sơn	22/04/2003	Nam	031203001893	Hải Phòng	2021	2020	Hoá học	Giải ba	Chọn HSGQG		IELTS 6.5		1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
32	Hà Quang Sơn	22/04/2003	Nam	031203001893	Hải Phòng	2021	2020	Hoá học	Giải ba	Chọn HSGQG		IELTS 6.5		2	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Trúng tuyển	
33	Nguyễn Nam Cường	06/09/2003	Nam	031203001877	Hải Phòng	2021	2019	Y sinh và khoa học sức khoẻ	Giải ba	KHKTQG		IELTS 5.5		1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
34	Nguyễn Nam Cường	06/09/2003	Nam	031203001877	Hải Phòng	2021	2019	Y sinh và khoa học sức khoẻ	Giải ba	KHKTQG		IELTS 5.5		2	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Trúng tuyển	
35	Dương Thị Ngọc Mai	19/07/2003	Nữ	031303002239	Hải Phòng	2021	2019	Hoá học	Giải nhất	KHKTQG		IELTS 6.5		1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
36	Dương Thị Ngọc Mai	19/07/2003	Nữ	031303002239	Hải Phòng	2021	2019	Hoá học	Giải nhất	KHKTQG		IELTS 6.5		2	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Trúng tuyển	
37	Dương Thuỳ Linh	07/10/2003	Nữ	125945766	Bắc Ninh	2021	2021	Sinh học	Giải ba	Chọn HSGQG				1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
38	Nguyễn Gia Phúc	22/11/2003	Nam	027203000523	Bắc Ninh	2021	2021	Hoá học	Giải ba	KHKTQG				1	7720201A	Dược học (A)	Trúng tuyển	
39	Dương Thị Nguyệt Minh	11/09/2003	Nữ	125951428	Bắc Ninh	2021	2021	Hoá học	Giải ba	KHKTQG				1	7720101B	Y khoa (B)	Không trúng tuyển	
40	Dương Thị Nguyệt Minh	11/09/2003	Nữ	125951428	Bắc Ninh	2021	2021	Hoá học	Giải ba	KHKTQG				2	7720201A	Dược học (A)	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số CMND	Sở GD&ĐT	Năm tốt nghiệp	Năm đoạt giải	Môn/lĩnh vực đoạt giải	Loại giải/ Huy chương	Kỳ thi	Tham dự kì thi chọn đội tuyển dự thi Olympic QT môn	Chứng chỉ tiếng Anh	Bài báo Quốc tế	Thứ tự nguyện vọng	Mã ngành đăng kí	Tên ngành đăng kí	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
41	Nguyễn Phương Hà	29/08/2003	Nữ	125929389	Bắc Ninh	2021	2020	Hệ thống nhúng	Giải ba	KHKTQG				1	7720201A	Dược học (A)	Trúng tuyển	
42	Hà Minh Đức	23/02/2003	Nam	030203000666	Hải Dương	2021	2021	Toán học	Giải nhì	Chọn HSGQG				1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
43	Bùi Đức Dũng	01/09/2003	Nam	022203002745	Quảng Ninh	2021	2021	Hoá học	Giải nhì	Chọn HSGQG				1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
44	Bùi Đức Dũng	01/09/2003	Nam	022203002745	Quảng Ninh	2021	2021	Hoá học	Giải nhì	Chọn HSGQG				2	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Trúng tuyển	
45	Vũ Thị Hương Quỳnh	14/02/2003	Nữ	033303001943	Hưng Yên	2021	2021	Sinh học	Giải ba	Chọn HSGQG				1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
46	Trần Hữu Thành Nam	23/12/2003	Nam	026203004261	Vĩnh Phúc	2021	2021	Sinh học	Giải ba	Chọn HSGQG				1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
47	Đỗ Thị Ngọc Anh	12/11/2003	Nữ	037303003135	Ninh Bình	2021	2021	Sinh học	Giải ba	Chọn HSGQG				1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	
48	Vũ Thị Bích Hợp	24/06/2003	Nữ	036303005119	Nam Định	2021	2021	Sinh học	Giải nhì	Chọn HSGQG				1	7720101B	Y khoa (B)	Trúng tuyển	

Danh sách gồm 37 thí sinh với 48 nguyện vọng đăng kí, trong đó:
- Trúng tuyển: 31 thí sinh với 39 nguyện vọng
- Không trúng tuyển: 6 thí sinh với 9 nguyện vọng

Hải Phòng, ngày 28 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Mạnh Hùng

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

PGS. TS NGUYỄN VĂN KHẢI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN THẲNG VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG NĂM 2021 (DIỆN 30A)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Số CMND	Sở GD&ĐT	HKTT			Trường	Năm tốt nghiệp	Học lực			Thứ tự nguyện vọng	Mã ngành đăng kí	Tên ngành đăng kí	Kết quả xét tuyển
							Xã	Huyện	Tỉnh			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12				
1	Hoàng Tuấn Anh	26/08/2003	Nam	Kinh	063561370	Lào Cai	Mường Khương	Mường Khương	Lào Cai	THPT số 1 Mường Khương	2021	Khá	Khá	Khá	1	7720101B	Y khoa (B)	Không trúng tuyển
2	Vàng Tuyết Băng	26/09/2003	Nữ	Nùng	063561369	Lào Cai	Mường Khương	Mường Khương	Lào Cai	THPT số 1 Mường Khương	2021	Khá	Khá	Khá	1	7720101B	Y khoa (B)	Không trúng tuyển
3	Thền Quang Vinh	22/10/2003	Nam	Nùng	063561545	Lào Cai	Mường Khương	Mường Khương	Lào Cai	THPT số 1 Mường Khương	2021	Khá	Khá	Khá	1	7720101B	Y khoa (B)	Không trúng tuyển

Danh sách gồm 3 thí sinh với 3 nguyện vọng đăng kí, trong đó:
- Không trúng tuyển: 3 thí sinh với 3 nguyện vọng

Hải Phòng, ngày 28 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Mạnh Hùng

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

PGS. TS NGUYỄN VĂN KHẢI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN THẲNG VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG NĂM 2021 (DIỆN DỰ BỊ ĐẠI HỌC)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Số CMND	HKTT			Lớp	Trường	Năm tốt nghiệp	Điểm TB môn cả năm	Tổng điểm rèn luyện	Tên ngành đăng kí	Mã ngành đăng kí	Kết quả xét tuyển
						Xã/Phường/ Thị trấn	Quận/ Huyện	Tỉnh/ Thành phố								
1	Trần Trọng Nghĩa	25/04/2002	Nam	Mường	113758888	Gia Mô	Tân Lạc	Hòa Bình	DBB	PT VCVB	2020	8.5	86.3	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Trúng tuyển
2	Lương Khánh Huyền	06/06/2002	Nữ	Nùng	085920713	Lý Quốc	Hạ Lang	Cao Bằng	DBB	PT VCVB	2020	8.5	80.0	Y khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
3	Hoàng Ngọc Hà	09/04/2002	Nữ	Tày	071088496	Hưng Thành	Tuyên Quang	Tuyên Quang	DBB	PT VCVB	2020	8.0	90.3	Y khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
4	Nông Mai Hương	30/10/2002	Nữ	Nùng	082381544	Yên Bình	Hữu Lũng	Lạng Sơn	DBB	PT VCVB	2020	8.0	95.0	Y khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
5	Lô Thị My Nơ	01/05/2002	Nữ	Thái	187836479	Tam Thái	Tương Dương	Nghệ An	DBB	PT VCVB	2020	7.7	89.0	Y khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
6	Hảng A Tình	01/10/2002	Nam	Mông	061116747	Dế Xu Phình	Mù Cang Chải	Yên Bái	DBB	PT VCVB	2020	7.5	95.0	Y khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
7	Lại Thị Ngọc Trâm	01/12/2002	Nữ	Sán Dìu	092043414	Minh Đức	Phổ Yên	Thái Nguyên	DBA	PT VCVB	2020	7.3	98.0	Dược học (A)	7720201A	Trúng tuyển
8	Bùi Văn Hiến	13/04/2002	Nam	Mường	113779666	Quý Hòa	Lạc Sơn	Hòa Bình	A1	DBĐH DTSS	2020	7.4	91.5	Y Khoa (A)	7720101A	Trúng tuyển
9	Trương Thị Anh	08/02/2002	Nữ	Mường	038302020533	Lương Trung	Bá Thước	Thanh Hóa	A1	DBĐH DTSS	2020	7.1	95.5	Y Khoa (A)	7720101A	Trúng tuyển
10	Phạm Xuân Đại	30/04/2002	Nam	Mường	038202002021	Ngọc Khê	Ngọc Lặc	Thanh Hóa	B1	DBĐH DTSS	2020	7.9	87.5	Y Khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
11	Lương Trung Hiếu	11/03/2002	Nam	Thái	187932502	Quang Phong	Quế Phong	Nghệ An	B3	DBĐH DTSS	2020	7.8	93.0	Y Khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
12	Trịnh Ngọc Thành	05/02/2002	Nam	Thái	038202000082	Hồi Xuân	Quan Hóa	Thanh Hóa	B2	DBĐH DTSS	2020	7.6	90.5	Y Khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
13	Đinh Hà Phương	15/10/2002	Nữ	Thái	038302003480	Ban Công	Bá Thước	Thanh Hóa	B3	DBĐH DTSS	2020	7.6	91.8	Y Khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
14	Nguyễn Trọng Tuyển	06/11/2002	Nam	Mường	113812714	Thanh Sơn	Lương Sơn	Hòa Bình	B2	DBĐH DTSS	2020	7.2	90.5	Y Khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
15	Bùi Thái Linh	30/01/2002	Nam	Mường	113779702	Tân Lập	Lạc Sơn	Hòa Bình	B1	DBĐH DTSS	2020	7.2	86.0	Y Khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Số CMND	HKTT			Lớp	Trường	Năm tốt nghiệp	Điểm TB môn cả năm	Tổng điểm rèn luyện	Tên ngành đăng kí	Mã ngành đăng kí	Kết quả xét tuyển
						Xã/Phường/ Thị trấn	Quận/ Huyện	Tỉnh/ Thành phố								
16	Bùi Thành Đô	21/04/2002	Nam	Mường	038202006230	Thành Mỹ	Thạch Thành	Thanh Hóa	B2	DBĐH DTSS	2020	8.0	97.5	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Trúng tuyển
17	Phạm Mỹ Thanh	03/03/2002	Nữ	Tày	085945332	Sông Hiến	Cao Bằng	Cao Bằng	K46B4	DBĐH DTTƯ	2020	9.3	95.5	Y khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
18	Hoàng Tuấn Dũng	30/08/2002	Nam	Tày	061125486	Yên Thịnh	Yên Bái	Yên Bái	K46B1	DBĐH DTTƯ	2020	9.1	93.5	Y khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
19	Long Hải Yến	07/10/2002	Nữ	Nùng	063573271	Mường Khương	Mường Khương	Lào Cai	K46B2	DBĐH DTTƯ	2020	8.8	94.5	Y khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
20	Tô Bá Huyên	18/10/2002	Nam	Tày	085920929	Đề Thám	Cao Bằng	Cao Bằng	K46B3	DBĐH DTTƯ	2020	8.7	96	Y khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
21	Lê Tiến Dũng	26/02/2002	Nam	Nùng	085927059	Bảo Lạc	Bảo Lạc	Cao Bằng	K46B3	DBĐH DTTƯ	2020	8.7	95	Y khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
22	La Thị Kim Ngân	01/08/2002	Nữ	Tày	132494118	Hùng Xuyên	Đoan Hùng	Phú Thọ	K46B4	DBĐH DTTƯ	2020	8.6	92	Y khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
23	Trần Văn Tú	16/04/2002	Nam	Cao Lan	071089474	Hùng Đức	Hàm Yên	Tuyên Quang	K46B4	DBĐH DTTƯ	2020	8.6	87.5	Y khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
24	Lò Thị Yến Vy	24/09/2002	Nữ	Thái	051142328	Mường Lầm	Sông Mã	Sơn La	K46B4	DBĐH DTTƯ	2020	8.5	93.5	Y khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
25	Chu Tuấn Hiệp	22/10/2002	Nam	Nùng	082394815	Hợp Thành	Cao Lộc	Lạng Sơn	K46B2	DBĐH DTTƯ	2020	8.5	92.5	Y khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
26	Hà Bảo Quân	18/11/2002	Nam	Tày	071122338	Tân Thịnh	Chiêm Hóa	Tuyên Quang	K46B4	DBĐH DTTƯ	2020	8.4	79.5	Y khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
27	Diệp Thị Phương Anh	03/11/2002	Nữ	Sán Dìu	026302005372	Yên Dương	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	K46B4	DBĐH DTTƯ	2020	8.3	91.5	Y khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
28	Lại Thị Linh	12/02/2002	Nữ	Tày	022302006743	Hà Lâu	Tiên Yên	Quảng Ninh	K46B1	DBĐH DTTƯ	2020	8.3	91.5	Y khoa (B)	7720101B	Trúng tuyển
29	Hoàng Thảo Ngân	28/10/2002	Nữ	Tày	085707396	Minh Tâm	Nguyên Bình	Cao Bằng	K46B2	DBĐH DTTƯ	2020	8.2	93	Y học cổ truyền	7720115	Trúng tuyển
30	Nguyễn Sơn Thái	16/09/2002	Nam	Tày	095309774	Vân Tùng	Ngân Sơn	Bắc Kạn	K46B3	DBĐH DTTƯ	2020	8.2	65.5	Y học cổ truyền	7720115	Trúng tuyển
31	Nguyễn Hoài Vi	01/05/2002	Nữ	Tày	859303331	Dân Chủ	Hoà An	Cao Bằng	K46B4	DBĐH DTTƯ	2020	8.1	91.5	Y học cổ truyền	7720115	Trúng tuyển
32	Hoàng Xuân Mai	18/10/2002	Nữ	Tày	082401028	Văn Quan	Văn Quan	Lạng Sơn	K46B2	DBĐH DTTƯ	2020	8.3	90.5	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Trúng tuyển

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Số CMND	HKTT			Lớp	Trường	Năm tốt nghiệp	Điểm TB môn cả năm	Tổng điểm rèn luyện	Tên ngành đăng kí	Mã ngành đăng kí	Kết quả xét tuyển
						Xã/Phường/ Thị trấn	Quận/ Huyện	Tỉnh/ Thành phố								
33	Nông Thị Hương Giang	26/10/2002	Nữ	Tày	085945738	Tân Giang	Cao Bằng	Cao Bằng	K46B2	DBĐH DTTƯ	2020	8	72.5	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Trúng tuyển
34	Phan Hà Huy	02/11/2002	Nam	Tày	085920350	Tân Giang	Cao Bằng	Cao Bằng	K46B3	DBĐH DTTƯ	2020	7.5	86	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Trúng tuyển
35	Lương Thị Háo	10/11/2002	Nữ	Nùng	085932488	Thái Học	Bảo Lâm	Cao Bằng	K46B2	DBĐH DTTƯ	2020	8.6	94.5	Dược học(B)	7720201B	Trúng tuyển
36	Lê Minh Hiếu	03/07/2002	Nam	Mường	132475551	Xuân An	Yên Lập	Phú Thọ	K46B1	DBĐH DTTƯ	2020	7.9	96.5	Dược học(B)	7720201B	Trúng tuyển
37	Hoàng Thu Hà	29/09/2002	Nữ	Nùng	082390340	Tân Văn	Bình Gia	Lạng Sơn	K46B2	DBĐH DTTƯ	2020	7.9	95.5	Dược học(B)	7720201B	Trúng tuyển
38	Lành Văn Hùng	21/08/2001	Nam	Nùng	082372472	Vũ Sơn	Bắc Sơn	Lạng Sơn	K46B1	DBĐH DTTƯ	2019	7	82	Dược học(B)	7720201B	Trúng tuyển

Danh sách gồm 38 thí sinh với 38 nguyện vọng đăng kí, trong đó:
- Trúng tuyển: 38 thí sinh với 38 nguyện vọng

Hải Phòng, ngày 28 tháng 7 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Mạnh Hùng

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

PGS. TS NGUYỄN VĂN KHẢI